

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT VÀ PHẠM VI QUẢN LÝ  
CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG NAM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2891 /QĐ-UBND ngày 26 /9 /2018 của UBND tỉnh Quảng Nam).*

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH.**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
<b>I. Lĩnh vực quy hoạch, kiến trúc</b>					
01	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	14	Trung tâm hành chính công và Xúc tiến đầu tư tỉnh (Sở Xây dựng. Ban Quản lý Khu Kinh tế mở Chu Lai).	- Chi phí thẩm định nhiệm vụ Quy hoạch bằng 20% so với chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch quy định tại Khoản 2, Điều 5 của Thông tư số 05/2017/TT-BXD ngày 05/4/2017 của Bộ Xây dựng.	- Khoản 2 Điều 41 Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009. - Khoản 1 Điều 31, Điều 32, 33 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.
02	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	17	Trung tâm hành chính công và Xúc tiến đầu tư tỉnh (Sở Xây dựng. Ban Quản lý Khu Kinh tế mở Chu Lai).	- Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch xác định theo định mức tỷ lệ % tại Bảng số 11 - Phụ lục số 1 so với chi phí lập đồ án quy hoạch theo Thông tư số 05/2017/TT-BXD ngày 05/4/2017 của Bộ Xây dựng.	- Khoản 2 Điều 41 Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009. - Khoản 1 Điều 31, Điều 32, 33 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.

03	Cấp giấy phép quy hoạch dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh quản lý	20	Trung tâm hành chính công và Xúc tiến đầu tư tỉnh (Sở Xây dựng. Ban Quản lý Khu Kinh tế mở Chu Lai).	Lệ phí: 2.000.000 đồng/GPQH quy định tại Khoản 1, Điều 4 của Thông tư số 171/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoản 4 Điều 47 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014.</li> <li>- Điều 33, 34, 35 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.</li> <li>- Khoản 5 Điều 71 Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009.</li> <li>- Điều 36, 37, 38, 40 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.</li> </ul>
----	---	----	--	--	---

## II. Lĩnh vực hoạt động xây dựng

### • Về cấp chứng chỉ năng lực và chứng chỉ hành nghề

01	Chuyên đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III của cá nhân nước ngoài.	15	Trung tâm hành chính công và Xúc tiến đầu tư tỉnh (Sở Xây dựng).	Lệ phí: 150.000 đồng/chứng chỉ. Theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 4 Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng năm 2014.</li> <li>- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.</li> <li>- Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.</li> <li>- Nghị định số 100/2018/NĐ-CP</li> </ul>
----	--	----	--	---	--

					ngày 16/7/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
02	Cấp/nâng hạng/điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III	14	Trung tâm hành chính công và Xúc tiến đầu tư tỉnh (Sở Xây dựng).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấp mới: 300.000 đồng/chứng chỉ theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 4 Thông tư số 172/2016/TT-BTC.</li> <li>- Điều chỉnh, bổ sung: 150.000 đồng/chứng chỉ theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 4 Thông tư số 172/2016/TT-BTC .</li> </ul>	
03	Cấp lại nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III	7	Trung tâm hành chính công và Xúc tiến đầu tư tỉnh (Sở Xây dựng).	<ul style="list-style-type: none"> <li>Lệ phí: 150.000 đồng/chứng chỉ.</li> <li>Theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 4 Thông tư số 172/2016/TT-BTC.</li> </ul>	
04	Cấp/điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hạng II, III	14	Trung tâm hành chính công và Xúc tiến đầu tư tỉnh (Sở Xây dựng).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấp mới: 1.000.000 đồng/chứng chỉ theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 4 Thông tư số 172/2016/TT-BTC.</li> <li>- Điều chỉnh, bổ sung: 500.000 đồng/chứng chỉ theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 4 Thông tư số 172/2016/TT-BTC .</li> </ul>	

05	Cấp lại nội dung chứng chỉ năng lực hạng II, III	7	Trung tâm hành chính công và Xúc tiến đầu tư tỉnh (Sở Xây dựng).	Lệ phí: 500.000 đồng/chứng chỉ theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 4 Thông tư số 172/2016/TT-BTC.	
06	Đăng tải/thay đổi, bổ sung thông tin năng lực của tổ chức ( <i>chỉ áp dụng cho tổ chức không thuộc đối tượng cấp chứng chỉ năng lực</i> )	10	Trung tâm hành chính công và Xúc tiến đầu tư tỉnh (Sở Xây dựng).	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng năm 2014.</li> <li>- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.</li> <li>- Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.</li> <li>- Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</li> </ul>
<b>• Về cấp Giấy phép hoạt động cho nhà thầu nước ngoài</b>					
01	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C	14	Trung tâm hành chính công và Xúc tiến đầu tư tỉnh (Sở Xây dựng).	- Lệ phí 2.000.000 đồng (theo quy định Khoản 2, Điều 4 Thông tư số 172/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng năm 2014.</li> <li>- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính Phủ về quản lý DA ĐTXD.</li> <li>- Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp</li> </ul>

					giấy phép HĐXD và quản lý nhà thầu nước ngoài HĐXD tại Việt Nam.
02	Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C	14	Trung tâm hành chính công và Xúc tiến đầu tư tỉnh (Sở Xây dựng).	-Lệ phí 2.000.000đồng (theo quy định Khoản 2, Điều 4 Thông tư số 172/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính).	- Luật Xây dựng năm 2014. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính Phủ về quản lý DA ĐTXD. - Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép HĐXD và quản lý nhà thầu nước ngoài HĐXD tại Việt Nam.
<b>• Về thẩm định dự án, thiết kế, dự toán</b>					
01	Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh ( <i>quy định tại Điểm b Khoản 2, Điểm b Khoản 3, Khoản 4, Điểm b Khoản 5 Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP</i> ).		Trung tâm hành chính công và Xúc tiến đầu tư tỉnh (Sở Xây dựng. Sở Giao thông vận tải. Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn. Sở Công Thương. Ban Quản lý Khu Kinh tế mở Chu Lai).	Công thức tính phí thẩm định dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật: $N_{it} = N_{ib} - \left\{ \frac{N_{ib} - N_{ia}}{G_{ia} - G_{ib}} \times (G_{it} - G_{ib}) \right\}$ Trong đó: + $N_{it}$ là phí thẩm định cho nhóm dự án thứ i theo quy mô giá trị cần tính (đơn vị tính: %). + $G_{it}$ là quy mô giá trị của nhóm dự án thứ i cần tính phí thẩm định đầu tư (đơn vị tính: giá trị công trình). + $G_{ia}$ là quy mô giá trị cần trên quy mô giá trị cần tính	- Luật Xây dựng năm 2014. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán XDCT.
	- Đối với dự án nhóm B	21			
	- Dự án nhóm C	14			
	- Thiết kế cơ sở nhóm B	14			
	- Thiết kế cơ sở nhóm C	10			

				<p>phí thẩm định (đơn vị tính: giá trị công trình).</p> <p>+ <math>G_{ib}</math> là quy mô giá trị cận dưới quy mô giá trị cần tính phí thẩm định (đơn vị tính: giá trị công trình).</p> <p>+ <math>N_{ia}</math> là phí thẩm định cho nhóm dự án thứ i tương ứng <math>G_{ia}</math> (đơn vị tính: %).</p> <p>+ <math>N_{ib}</math> là phí thẩm định cho nhóm dự án thứ i tương ứng <math>G_{ib}</math> (đơn vị tính: %).</p> <p>Trong đó mức thu theo tổng vốn đầu tư dự án được quy định tại Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.</p>	
02	<p>Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước). (quy định tại Điều 5, Điều 10, Điều 13 Nghị định 59/2015/NĐ-CP. Điều 11 và Điều 12 Thông tư số 18/2016/TT-BXD).</p>	14	<p>Trung tâm hành chính công và Xúc tiến đầu tư tỉnh (Sở Xây dựng. Sở Giao thông vận tải. Sở Nông nghiệp &amp; Phát triển nông thôn. Sở Công Thương. Ban Quản lý Khu Kinh tế mở Chu Lai).</p>	<p>Phí thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công, dự toán được xác định theo công thức sau:</p> $N_t = N_b - \frac{N_b - N_a}{G_a - G_b} \times (G_t - G_b)$ <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <math>N_t</math>: Mức thu theo chi phí xây dựng cần tính (đơn vị tính: Tỷ lệ %).</li> <li>- <math>G_t</math>: Chi phí xây dựng cần tính định mức (đơn vị tính: Giá trị công trình).</li> <li>- <math>G_a</math>: Chi phí xây dựng cận</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng năm 2014.</li> <li>- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về QLDA ĐTXD.</li> <li>- Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán XDCT.</li> </ul>

				<p>trên chi phí cần tính định mức (đơn vị tính: Giá trị).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <math>G_b</math>: Chi phí xây dựng cận dưới chi phí cần tính định mức (đơn vị tính: Giá trị).</li> <li>- <math>N_a</math>: Mức thu tương ứng với <math>G_a</math> (đơn vị tính: Tỷ lệ %).</li> <li>- <math>N_b</math>: Mức thu tương ứng với <math>G_b</math> (đơn vị tính: Tỷ lệ %).</li> </ul> <p>Trong đó mức thu theo tổng vốn đầu tư được quy định tại Phụ lục 1 và 2 Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.</p>	
03	<p>Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/ thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh (quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 24, điểm b Khoản 1 Điều 25, điểm b Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP).</p> <p>- Đối với công trình cấp III</p>	21	<p>Trung tâm hành chính công và Xúc tiến đầu tư tỉnh (Sở Xây dựng. Sở Giao thông vận tải. Sở Nông nghiệp &amp; Phát triển nông thôn. Sở Công Thương. Ban Quản lý Khu Kinh tế mở Chu Lai).</p>	<p>Phí thẩm định phải nộp được xác định theo công thức sau:</p> $N_t = N_b - \frac{N_b - N_a}{G_a - G_b} \times (G_t - G_b)$ <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <math>N_t</math>: Mức thu theo chi phí xây dựng cần tính (đơn vị tính: Tỷ lệ %).</li> <li>- <math>G_t</math>: Chi phí xây dựng cần tính định mức (đơn vị tính: Giá trị công trình).</li> <li>- <math>G_a</math>: Chi phí xây dựng cận trên chi phí cần tính định mức (đơn vị tính: Giá trị).</li> <li>- <math>G_b</math>: Chi phí xây dựng cận dưới chi phí cần tính định</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng năm 2014.</li> <li>- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án ĐTXD.</li> <li>- Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán XDCT.</li> </ul>
	<p>- Đối với các công trình còn lại</p>	14			

				<p>mức (đơn vị tính: Giá trị).</p> <p>- <math>N_a</math>: Mức thu tương ứng với <math>G_a</math> (đơn vị tính: Tỷ lệ %).</p> <p>- <math>N_b</math>: Mức thu tương ứng với <math>G_b</math> (đơn vị tính: Tỷ lệ %).</p> <p>Trong đó mức thu theo tổng vốn đầu tư được quy định tại Phụ lục 1 và 2 Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.</p>	
<b>• Về Cấp giấy phép xây dựng</b>					
01	Cấp giấy phép xây dựng(giấy phép xây dựng mới, giấy phép sửa chữa, cải tạo, giấy phép di dời công trình). đối với công trình cấp I, II. công trình tôn giáo.công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng. công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị. công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.		Trung tâm hành chính công và Xúc tiến đầu tư tỉnh (Sở Xây dựng. Ban Quản lý Khu Kinh tế mở Chu Lai).	<p>Lệ phí :</p> <p>- Đối công với công trình: 150.000 đồng/giấy phép</p> <p>- Đối với nhà ở riêng lẻ: 75.000 đồng/giấy phép. (theo Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 và Quyết định số 4760/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Nam).</p>	<p>- Luật Xây dựng năm 2014.</p> <p>- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.</p> <p>- Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng.</p>
	- Đối với công trình	15			
	- Đối với nhà ở riêng lẻ	7			
02	Điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II. công trình tôn giáo. công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp		Trung tâm hành chính công và Xúc tiến đầu tư tỉnh (Sở Xây dựng. Ban Quản lý Khu Kinh tế mở Chu Lai).	<p>Lệ phí điều chỉnh giấy phép:</p> <p>- Đối công với công trình: 150.000 đồng/giấy phép</p> <p>- Đối với nhà ở riêng lẻ: 75.000 đồng/giấy phép.</p>	<p>- Luật Xây dựng năm 2014.</p> <p>- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.</p>



	hạng. công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị. công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.				Lệ phí gia hạn giấy phép: 15.000 đồng/giấy phép (theo Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 và Quyết định số 4760/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Nam).	- Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng.
	- Điều chỉnh giấy phép xây dựng	15				
	- Gia hạn giấy phép xây dựng	03				
<b>• Về lĩnh vực giám định tư pháp xây dựng</b>						
01	Bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng đối với cá nhân khác không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng	14	Trung tâm hành chính công và Xúc tiến đầu tư tỉnh (Sở Xây dựng).	Không		- Luật Giám định tư pháp năm 2012. - Điều 8 Thông tư số 04/2014/TT-BXD ngày 22/4/2014 của Bộ Xây dựng Điều 2 Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ (quy định này thay thế Điều 5 Thông tư số 04/2014/TT-BXD đã bị bãi bỏ bởi Thông tư số 23/2016/TT-BXD ngày 01/7/2016 của Bộ Xây dựng).
02	Đăng ký công bố thông tin người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc đối với các cá nhân, tổ chức không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng, văn phòng giám định tư pháp xây dựng trên địa bàn được UBND tỉnh cho phép hoạt động.	21	Trung tâm hành chính công và Xúc tiến đầu tư tỉnh (Sở Xây dựng).	Không		- Luật Giám định tư pháp năm 2012. - Điều 9 Thông tư số 04/2014/TT-BXD ngày 22/4/2014 của Bộ Xây dựng Điều 2, Điều 3, Điều 4 Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ (quy định này thay thế Điều 5,

					Điều 6, Điều 7 Thông tư số 04/2014/TT-BXD đã bị bãi bỏ bởi Thông tư số 23/2016/TT-BXD ngày 01/7/2016 của Bộ Xây dựng).
03	Điều chỉnh, thay đổi thông tin cá nhân, tổ chức giám định tư pháp xây dựng đối với cá nhân, tổ chức do UBND cấp tỉnh đã tiếp nhận đăng ký, công bố thông tin	07	Trung tâm hành chính công và Xúc tiến đầu tư tỉnh (Sở Xây dựng).	Không	- Luật Giám định tư pháp năm 2012. - Điều 9 Thông tư số 04/2014/TT-BXD ngày 22/4/2014 của Bộ Xây dựng Điều 2, Điều 3, Điều 4 Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ (quy định này thay thế Điều 5, Điều 6, Điều 7 Thông tư số 04/2014/TT-BXD đã bị bãi bỏ bởi Thông tư số 23/2016/TT-BXD ngày 01/7/2016 của Bộ Xây dựng).
<b>• Về Quản lý chất lượng công trình xây dựng</b>					
01	Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng và Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên	07	Trung tâm hành chính công và Xúc tiến đầu tư tỉnh (Sở Xây dựng; Sở Giao thông vận tải; Sở Nông nghiệp&Phát triển nông thôn; Sở Công Thương; Ban Quản lý Khu Kinh tế mở Chu Lai).	Không	- Luật Xây dựng năm 2014. - Điều 32 của Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

	ngành				
<b>III. Lĩnh vực kinh doanh bất động sản</b>					
01	Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản đối với dự án do UBND tỉnh, UBND cấp huyện quyết định việc đầu tư.	20	Trung tâm hành chính công và Xúc tiến đầu tư tỉnh (Sở Xây dựng).	Không	- Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH 13 ngày
02	Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản.	07	Trung tâm hành chính công và Xúc tiến đầu tư tỉnh (Sở Xây dựng).	Lệ phí 200.000 đồng/ Chứng chỉ quy định tại Khoản 3, Điều 15 Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng.	- Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH 13 ngày 25/11/2014. - Điều 15 Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng quy định việc cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản. hướng dẫn việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức hành nghề môi giới bất động sản, điều hành sàn giao dịch bất động sản. việc thành lập và tổ chức hoạt động của sàn giao dịch bất động sản.

03	Cấp lại (cấp đổi). chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản: 3.1 Do bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng 3.2 Do hết hạn (hoặc gần hết hạn).	07	Trung tâm hành chính công và Xúc tiến đầu tư tỉnh (Sở Xây dựng).	Lệ phí 200.000 đồng/ Chứng chỉ quy định tại Khoản 4, Điều 16 Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng.	- Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014. - Điều 16 và Điều 17 Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng quy định việc cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản, hướng dẫn việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức hành nghề môi giới bất động sản, điều hành sàn giao dịch bất động sản. việc thành lập và tổ chức hoạt động của sàn giao dịch bất động sản.
<b>IV. Lĩnh vực nhà ở</b>					
01	Thủ tục gia hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam cho cá nhân, tổ chức nước ngoài	20	Trung tâm hành chính công và Xúc tiến đầu tư tỉnh (Sở Xây dựng).	Không	- Luật Nhà ở năm 2014. - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.
02	Thủ tục thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua	10	Trung tâm hành chính công và Xúc tiến đầu tư tỉnh (Sở Xây dựng).	Không	- Luật Nhà ở năm 2014. - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở. - Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ

					Xây dựng.
03	Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh quy định tại Khoản 5 Điều 9 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	22	Trung tâm hành chính công và Xúc tiến đầu tư tỉnh (Sở Xây dựng).	Không	- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.
04	Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền UBND cấp tỉnh quy định tại Khoản 6 Điều 9 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	22	Trung tâm hành chính công và Xúc tiến đầu tư tỉnh (Sở Xây dựng).	Không	- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.
05	Lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	20	Trung tâm hành chính công và Xúc tiến đầu tư tỉnh (Sở Xây dựng).	Không	- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.
06	Thẩm định giá bán, thuê mua, thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng theo dự án bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên phạm vi địa bàn tỉnh.	20	Trung tâm hành chính công và Xúc tiến đầu tư tỉnh (Sở Xây dựng).	Không	- Thông tư số 20/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội.

07	Thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp tỉnh	14	Trung tâm hành chính công và Xúc tiến đầu tư tỉnh (Sở Xây dựng).	Không	- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 09/2015/TT-BXD ngày 29/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý sử dụng nhà ở công vụ.
08	Cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước	20	Trung tâm hành chính công và Xúc tiến đầu tư tỉnh (Sở Xây dựng. Đơn vị vận hành quản lý nhà ở).	Không	- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ ngày 20/10/2015. - Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.
09	Cho thuê nhà ở sinh viên thuộc sở hữu nhà nước	20	Trung tâm hành chính công và Xúc tiến đầu tư tỉnh (Đơn vị quản lý nhà ở Sinh viên).	Không	- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở. - Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.
10	Cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước	20	Trung tâm hành chính công và Xúc tiến đầu tư tỉnh (Sở Xây dựng. Đơn vị vận hành quản lý nhà ở).	Không	- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.

11	Bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước	30	Trung tâm hành chính công và Xúc tiến đầu tư tỉnh (Sở Xây dựng. Đơn vị vận hành quản lý nhà ở).	Không	- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ ngày 20/10/2015. - Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.
<b>V. Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật</b>					
01	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	10	Trung tâm hành chính công và Xúc tiến đầu tư tỉnh (Sở Xây dựng. Đơn vị vận hành quản lý nhà ở).	Không	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13. - Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009. - Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ về quản lý cây xanh đô thị.

## B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
01	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	14	Phòng Kinh tế - Hạ tầng, Phòng quản lý đô thị cấp huyện.	Thông tư số 05/2017/TT-BXD ngày 05/4/2017 của Bộ Xây dựng.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoản 3 Điều 41 Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009.</li> <li>- Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.</li> <li>- Khoản 3 Điều 32, Khoản 3 Điều 34 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014.</li> <li>- Điều 26, 27 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.</li> </ul>
02	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	17	Phòng Kinh tế - Hạ tầng, Phòng quản lý đô thị cấp huyện.	Thông tư số 05/2017/TT-BXD ngày 05/4/2017 của Bộ Xây dựng.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoản 3 Điều 41 Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009.</li> <li>- Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê</li> </ul>



					<p>duyet và quản lý quy hoạch đô thị.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoản 3 Điều 32, Khoản 3 Điều 34 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014.</li> <li>- Điều 26,27 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.</li> </ul>
03	Cấp giấy phép quy hoạch dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh quản lý	20	Phòng Kinh tế - Hạ tầng, Phòng quản lý đô thị cấp huyện.	<p>Lệ phí: 2.000.000 đồng/GPQH quy định tại Khoản 1, Điều 4 của Thông tư số 171/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoản 4 Điều 47 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014.</li> <li>- Điều 33,34,35 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.</li> <li>- Khoản 5 Điều 71 Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009.</li> <li>- Điều 36, 37, 38, 40 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.</li> </ul>

## II. Lĩnh vực hoạt động xây dựng

### • Về thẩm định dự án, thiết kế, dự toán

01	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh. thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước). <i>quy định tại Điều 5, Điều 10, Điều 13 Nghị định 59/2015/NĐ-CP.Điều 11 và Điều 12 Thông tư số 18/2016/TT-BXD).</i>	14	Phòng Kinh tế - Hạ tầng, Phòng quản lý đô thị cấp huyện.	<p>Công thức tính phí thẩm định dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật:</p> $N_{it} = N_{ib} - \left\{ \frac{N_{ib} - N_{ia}}{G_{ia} - G_{ib}} \times (G_{it} - G_{ib}) \right\}$ <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ <math>N_{it}</math> là phí thẩm định cho nhóm dự án thứ i theo quy mô giá trị cần tính (đơn vị tính: %).</li> <li>+ <math>G_{it}</math> là quy mô giá trị của nhóm dự án thứ i cần tính phí thẩm định đầu tư (đơn vị tính: giá trị công trình).</li> <li>+ <math>G_{ia}</math> là quy mô giá trị cận trên quy mô giá trị cần tính phí thẩm định (đơn vị tính: giá trị công trình).</li> <li>+ <math>G_{ib}</math> là quy mô giá trị cận dưới quy mô giá trị cần tính phí thẩm định (đơn vị tính: giá trị công trình).</li> <li>+ <math>N_{ia}</math> là phí thẩm định cho nhóm dự án thứ i tương ứng <math>G_{ia}</math> (đơn vị tính: %).</li> <li>+ <math>N_{ib}</math> là phí thẩm định cho nhóm dự án thứ i tương ứng <math>G_{ib}</math> (đơn vị tính: %).</li> </ul> <p>Trong đó mức thu theo tổng</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng năm 2014.</li> <li>- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính Phủ về quản lý DA ĐTXD.</li> <li>- Thông tư số 8/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán XDCT.</li> </ul>
----	---	----	--	---	--

				vốn đầu tư dự án được quy định tại Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.	
<b>• Về cấp Giấy phép xây dựng</b>					
01	Cấp GPXD (GPXD mới, giấy phép sửa chữa, cải tạo, giấy phép di dời công trình). đối với công trình, nhà ở riêng lẻ XD trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh.		Phòng Kinh tế - Hạ tầng, Phòng quản lý đô thị cấp huyện.	Lệ phí : - Đối công với công trình: 150.000 đồng/giấy phép - Đối với nhà ở riêng lẻ: 75.000 đồng/giấy phép. (theo Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 và Quyết định số 4760/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Nam).	- Luật Xây dựng năm 2014. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Thông tư số 05/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng.
	- Đối với công trình	15			
	- Đối với nhà ở riêng lẻ	7			
02	Điều chỉnh, gia hạn, cấp lại GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh.		Phòng Kinh tế - Hạ tầng, Phòng quản lý đô thị cấp huyện.	Lệ phí điều chỉnh giấy phép: - Đối công với công trình: 150.000 đồng/giấy phép - Đối với nhà ở riêng lẻ: 75.000 đồng/giấy phép. Lệ phí gia hạn giấy phép: 15.000 đồng/giấy phép (theo Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh và Quyết định số 4760/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Nam).	- Luật Xây dựng năm 2014. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Thông tư số 05/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng.
	- Điều chỉnh giấy phép xây dựng	15			
	- Gia hạn giấy phép xây dựng	03			